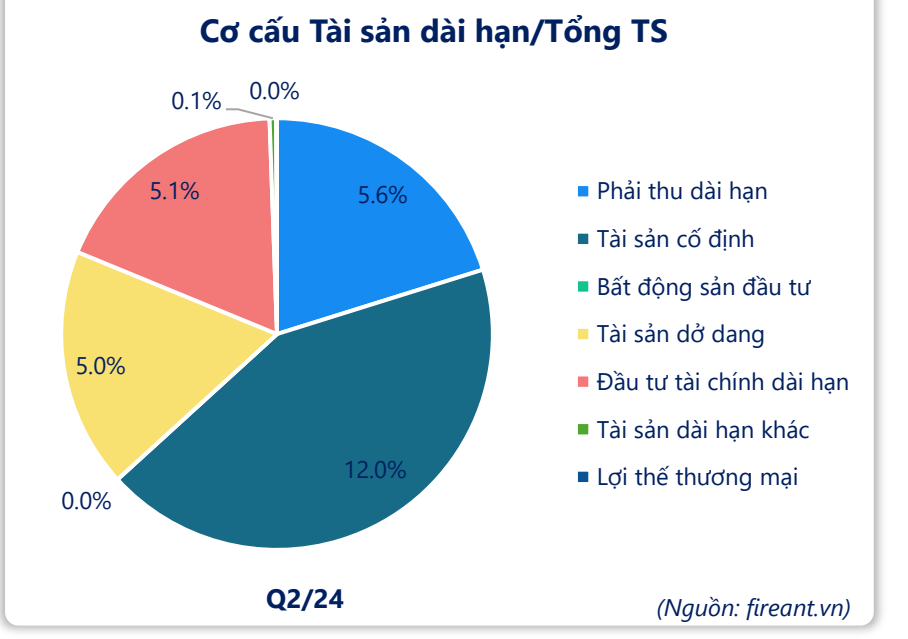
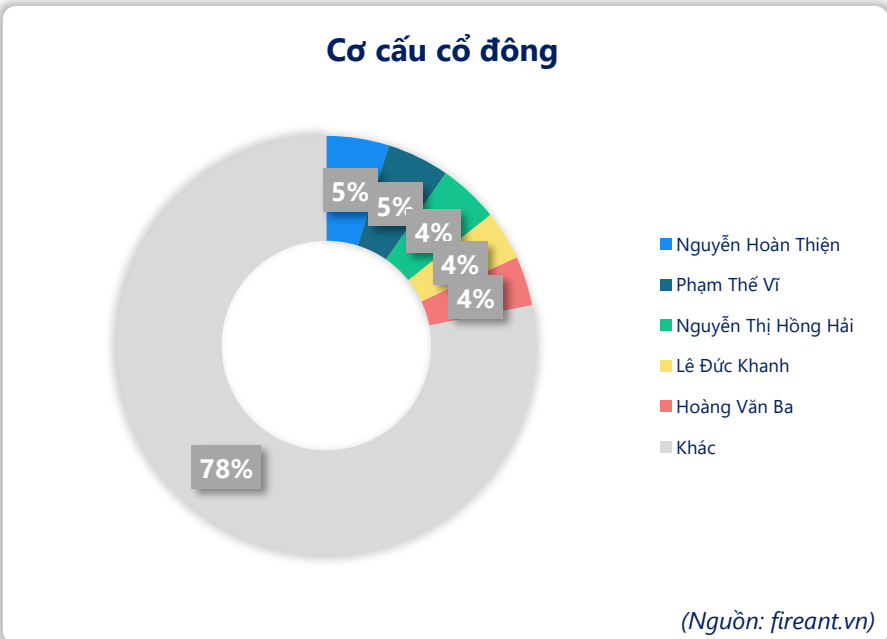
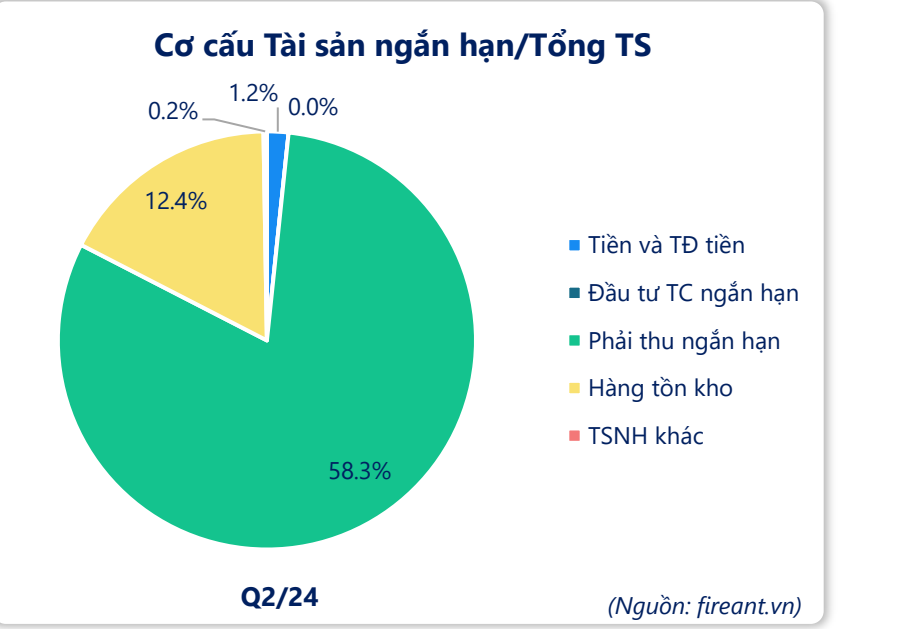
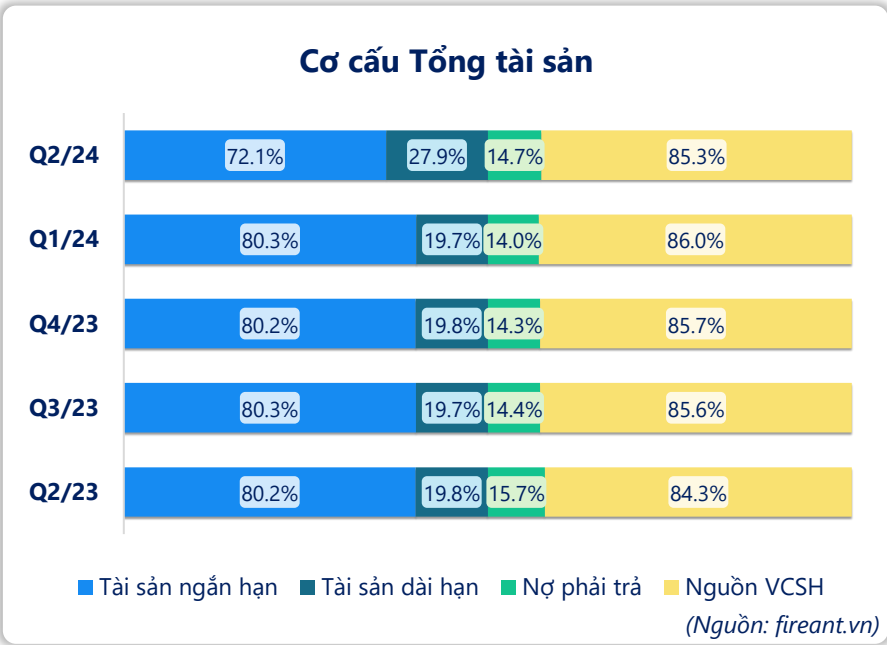
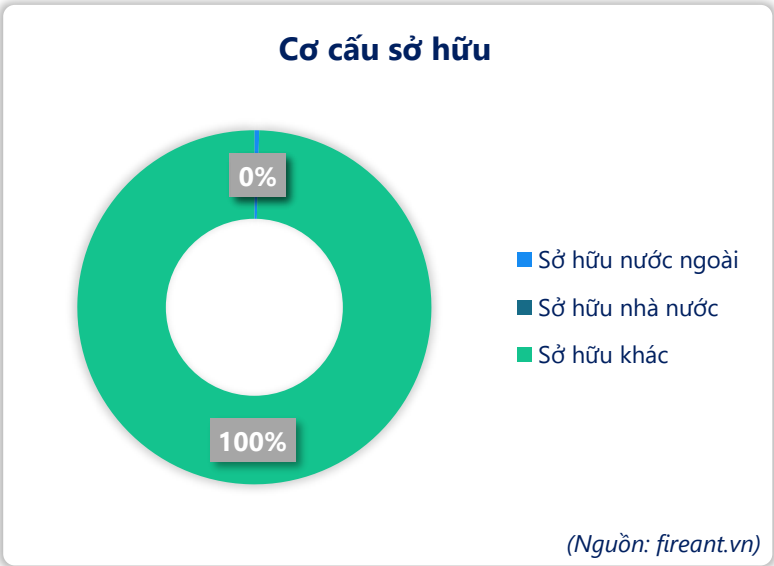
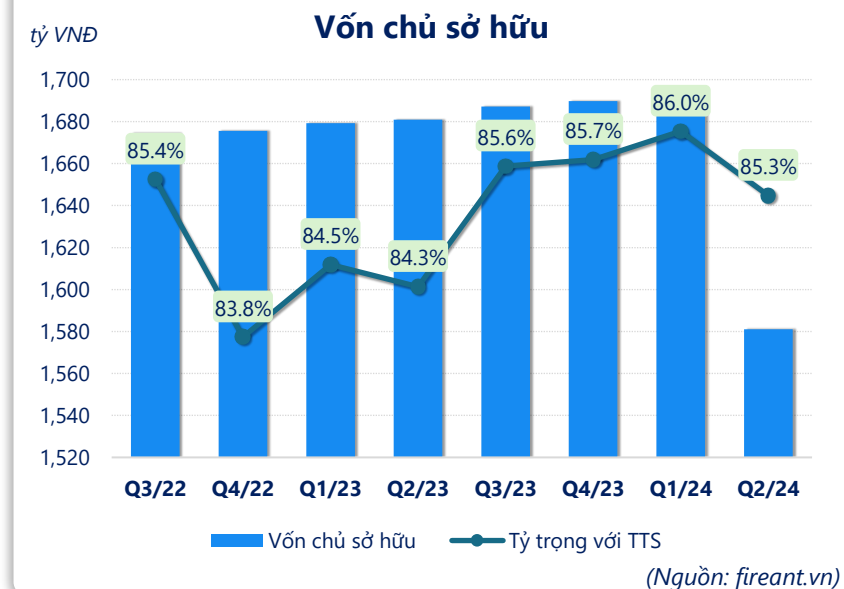
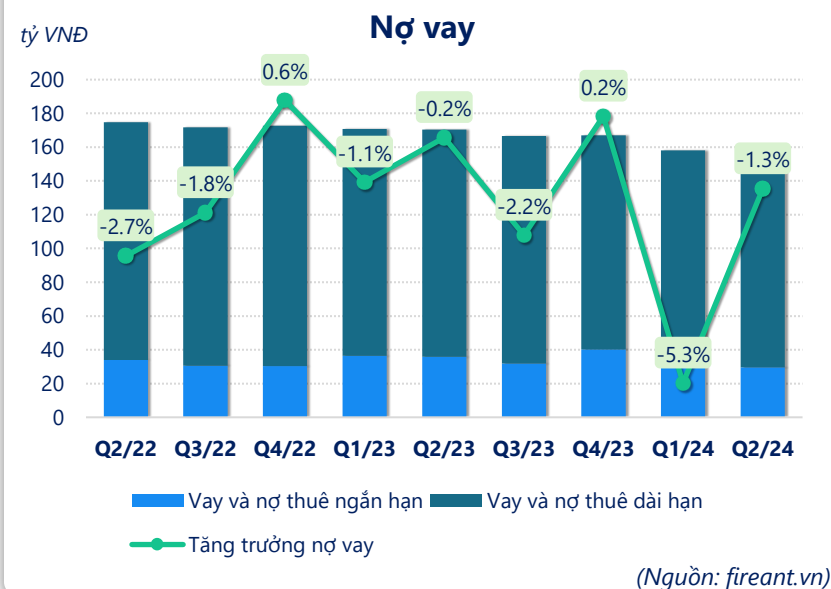
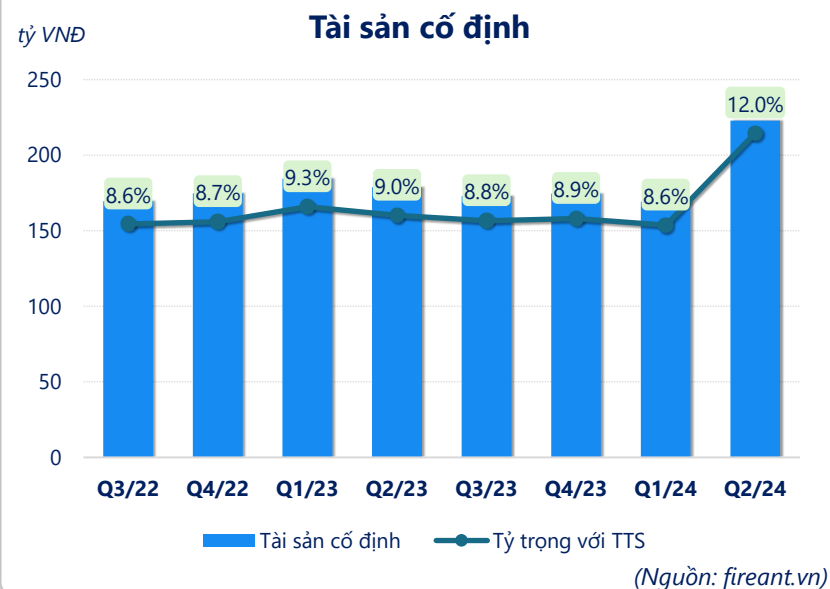
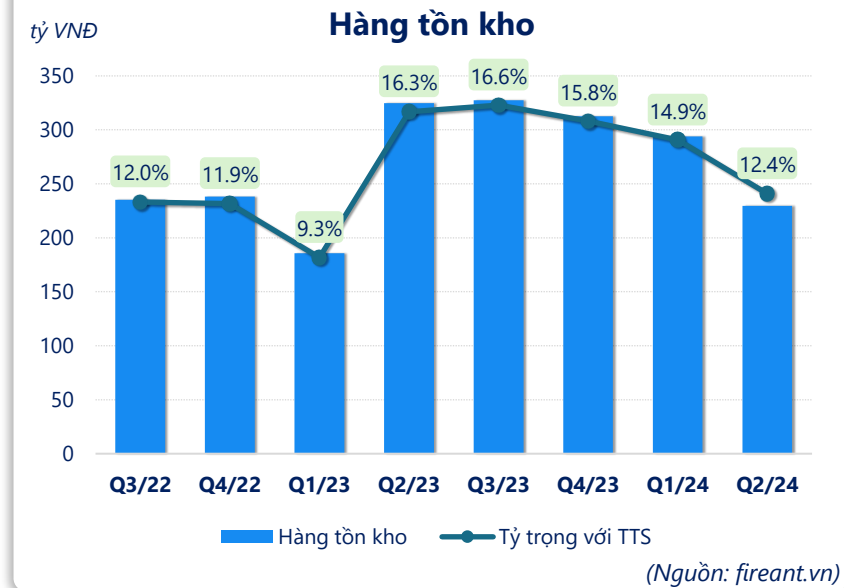
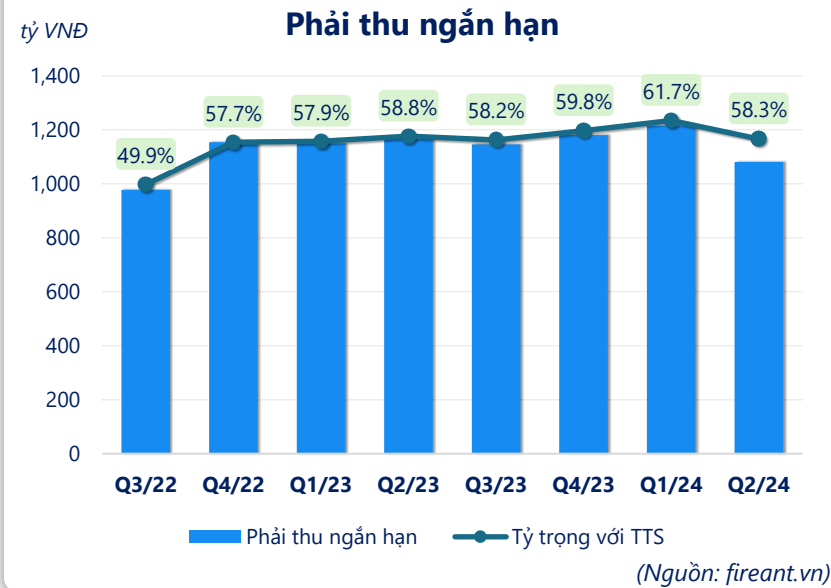
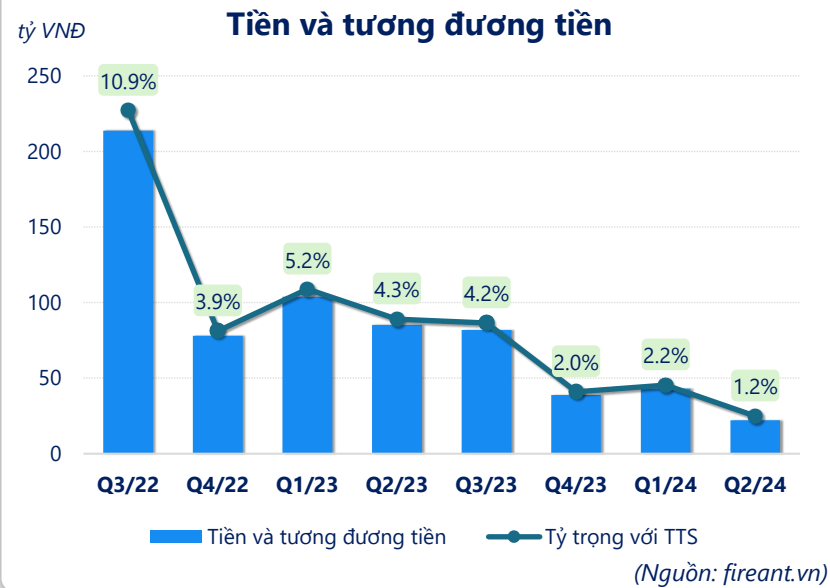
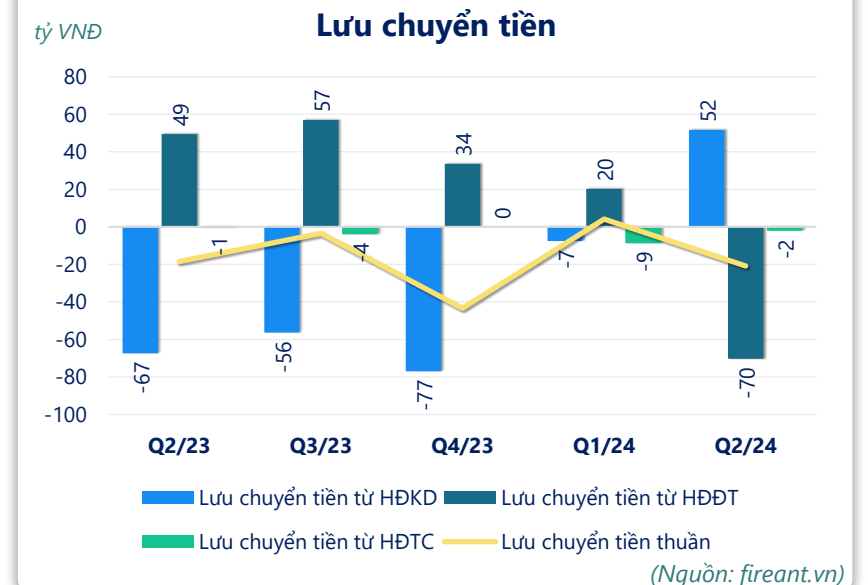
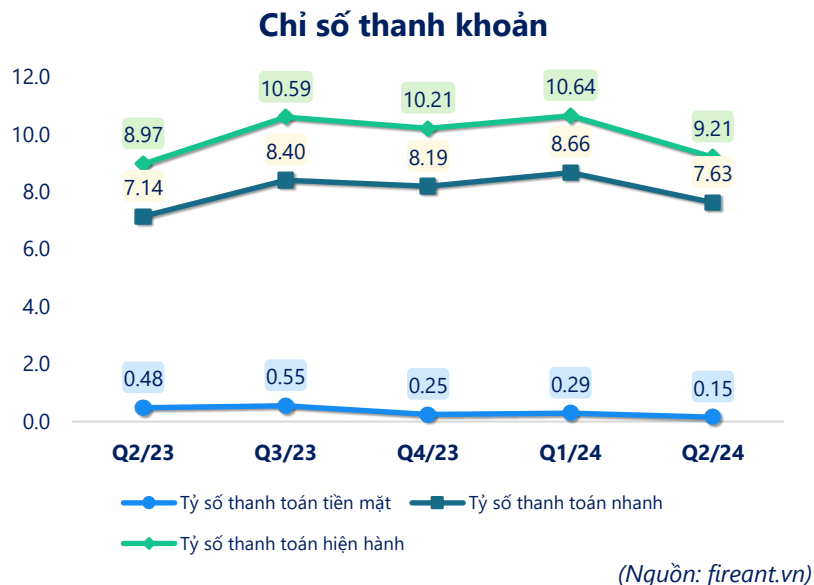
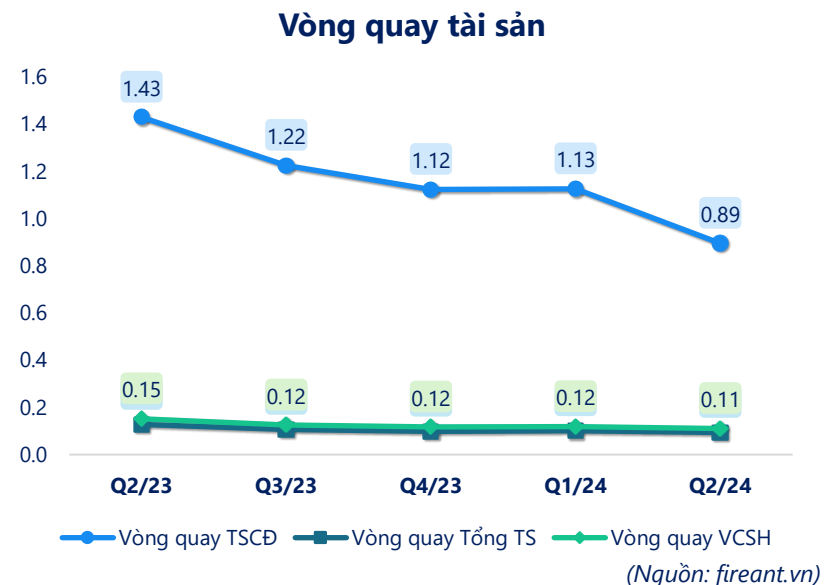
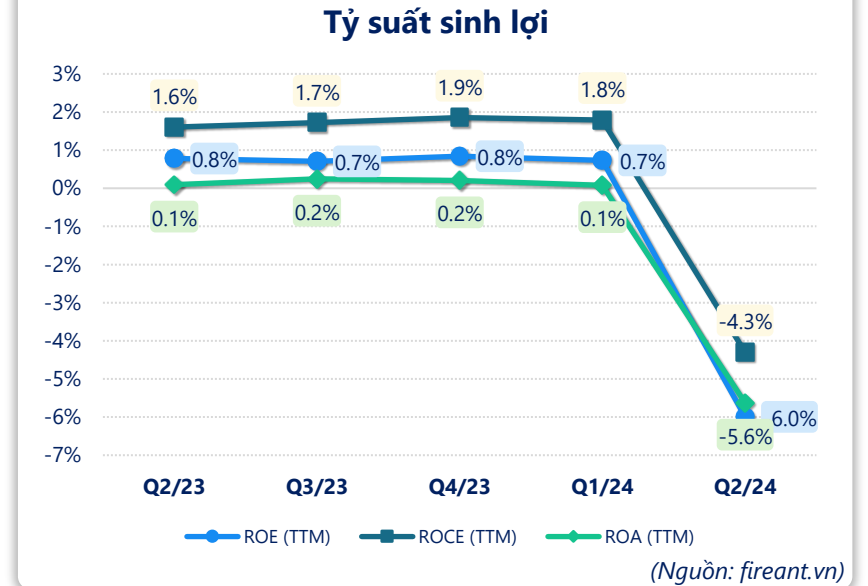
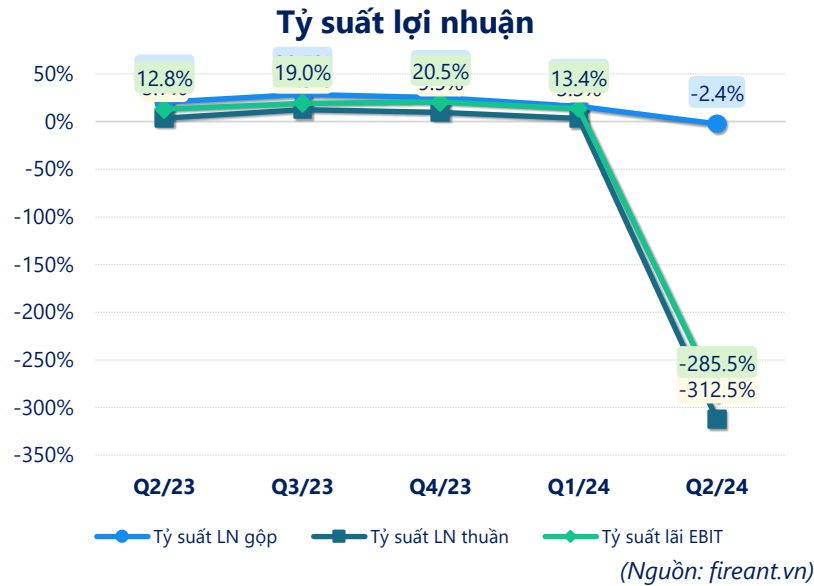
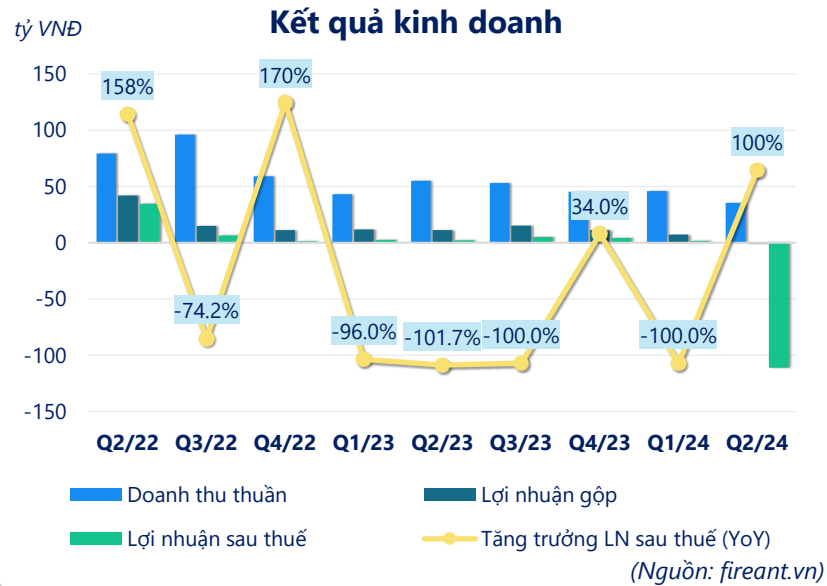


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,100
SL cổ phiếu LH		131,105,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)		585,780
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		446
P/E		-4.6
EPS		-746

	YTD	1T	3T	6T
AMV	-12.8%	-5.6%	-10.5%	-12.8%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,854	1,973	-6.0%
Tài sản ngắn hạn	1,336	1,582	-15.5%
Tiền và tương đương tiền	22.2	38.8	-42.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	45.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,081	1,181	-8.4%
Hàng tồn kho	230	313	-26.6%
Tài sản ngắn hạn khác	3.53	5.07	-30.3%
Tài sản dài hạn	518	391	32.4%
Phải thu dài hạn	104	103	1.0%
Tài sản cố định	223	175	27.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	93.0	110	-15.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	94.4	0	
Tài sản dài hạn khác	2.55	2.76	-7.8%
Lợi thế thương mại	0.30	0.32	-6.3%
Nợ phải trả	273	283	-3.5%
Nợ ngắn hạn	145	155	-6.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.6	40.3	-26.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	14.5	-23.6%
Nợ dài hạn	128	128	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	127	126	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,581	1,690	-6.5%
Vốn chủ sở hữu	1,581	1,690	-6.5%
Vốn điều lệ	1,311	1,311	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	54.9	52.9	45.4	45.9	35.5
Giá vốn hàng bán	43.7	37.8	34.0	38.6	36.3
Lợi nhuận gộp	11.2	15.1	11.3	7.30	-0.84
Doanh thu HĐTC	0.84	0.43	2.54	0.25	0.13
Chi phí TC	5.29	5.36	4.94	3.30	11.1
Chi phí lãi vay	4.94	5.16	4.54	4.70	9.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.26	0.07	0.02	0.06	-1.41
Chi phí QLDN	3.44	3.50	4.61	2.68	100
LN thuần từ HĐKD	2.02	6.61	4.33	1.50	-111
Lợi nhuận khác	0.09	-1.68	0.43	-0.05	-0.10
LN trước thuế	2.11	4.92	4.76	1.45	-111
Lợi nhuận sau thuế	2.11	4.92	4.06	1.45	-111
LNST của CĐ cty mẹ	1.84	4.87	4.06	1.55	-108

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-67.4	-56.4	-77.0	-7.46	51.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	49.5	57.0	33.6	20.3	-70.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.55	-4.00	0	-8.66	-2.10
Tiền đầu kỳ	104	85.3	81.9	38.8	43.0
Lưu chuyển tiền thuần	-18.5	-3.37	-43.4	4.13	-20.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	85.3	81.9	38.6	43.0	22.2

(Nguồn: fireant.vn)